

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2023/HNGĐ-ST

Ngày 18/7/2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Tâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Mộng Thu;

2. Ông Trần Anh Dũng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa:** Bà Bò Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 153/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Tô Thị X, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 1, khu phố K, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Khắc D, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 1, khu phố K, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/3/2023, bản tự khai đề ngày 08/5/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Tô Thị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Tô Thị X và ông Nguyễn Khắc D có thời gian tìm hiểu nhau thì tiến tới hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 21/2010, quyền số 01, ngày 19/02/2010. Vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, ông D tính tình gia trưởng, không tôn trọng và thường đánh đập bà X. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hòa hợp nhưng vẫn không có kết quả. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng

không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Tô Thị X yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Khắc D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 26/01/2011 và Nguyễn Khắc Minh Kh, sinh ngày 04/12/2019. Khi ly hôn, bà Tô Thị X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Kim A và đồng ý giao con chung tên Nguyễn Khắc Minh Kh cho ông Nguyễn Khắc D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Tô Thị X không cấp dưỡng nuôi cháu Kh và không yêu cầu ông Nguyễn Khắc D cấp dưỡng nuôi cháu A.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tô Thị X tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai đề ngày 08/5/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Khắc D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Khắc D thống nhất với lời trình bày của bà Tô Thị X về thời gian tìm hiểu, thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn. Ông D cho rằng trong cuộc sống hôn nhân không có quá nhiều mâu thuẫn trầm trọng, ông cũng không đánh bà X như bà trình bày mà ngược lại ông D phát hiện bà X có quan hệ tình cảm với người khác nên mới nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông. Ông D mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng nhau nuôi dạy các con, xây dựng gia đình, vì vậy ông Nguyễn Khắc D không đồng ý ly hôn với bà Tô Thị X.

Về con chung: Ông Nguyễn Khắc D thống nhất với lời trình bày của bà Tô Thị X về con chung. Trường hợp Tòa án cho ly hôn, ông D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu bà X cấp dưỡng nuôi các con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Khắc D tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:*

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Bà Tô Thị X và ông Nguyễn Khắc D tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Bà X xác định hiện nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên mong muốn được ly hôn. Bị đơn ông D không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà X và ông D là trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Về con chung: Bà X yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Thị Kim A và đồng ý giao cháu Nguyễn Khắc Minh Kh cho ông D nuôi, các bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con, xét thấy con chung hiện nay đang sống cùng vợ chồng bà X, ông D nhưng tại bản tự khai cháu A có nguyện vọng được sống cùng mẹ nếu cha mẹ ly hôn, bà X đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A, bà X đồng ý giao cháu Kh cho ông D nuôi, đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *Về thủ tục tố tụng:*

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình mà bị đơn có nơi cư trú và sinh sống trên địa bàn thành phố T và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết. Căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T.

#### *Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tô Thị X và ông Nguyễn Khắc D có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 21/2010, quyển số 01, ngày 19/02/2010, là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn bà Tô Thị X xác định mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, vợ chồng không tôn trọng nhau. Mặc dù hiện tại vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng cuộc sống của ai người đó lo, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Bà X xác định không còn tình cảm với ông D và yêu cầu được ly hôn. Ông D xác định vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng, ông vẫn còn yêu thương vợ con và không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà X và ông D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc bà X yêu cầu ly hôn với ông D là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 26/01/2011 và Nguyễn Khắc Minh Kh, sinh ngày 04/12/2019. Khi ly hôn, bà Tô Thị X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Kim A, đồng ý giao con chung tên Nguyễn Khắc Minh Kh cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Ông D không đồng ý ly hôn nhưng nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu bà X cấp dưỡng nuôi các con.

Hội đồng xét xử thấy, hiện tại mặc dù các con chung đang sống cùng bà X và ông D, tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, cháu A có nộp bản tự khai xác định muốn sống cùng bà X nếu cha mẹ ly hôn. Bà X có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu A cho bà X nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà X về việc đồng ý giao cháu Kh cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung nếu Tòa án cho ly hôn nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh ông có đủ điều kiện để nuôi dưỡng hai con nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tô Thị X về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Nguyễn Khắc D.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Tô Thị X được ly hôn với ông Nguyễn Khắc D.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 26/01/2011 cho bà Tô Thị X được trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung tên Nguyễn Khắc Minh Kh, sinh ngày 04/12/2019 cho ông Nguyễn Khắc D được trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Tô Thị X và ông Nguyễn Khắc D đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Tô Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007568 ngày 14/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tấn Tâm**